

Số: 2674 /LĐTBXH-KHTC
V/v Báo cáo về biên chế, tiền lương để xây dựng dự toán
ngân sách năm 2020 và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà
nước 3 năm 2020-2022

Hà Nội, ngày 05 tháng 7 năm 2019

Kính gửi: Vụ Tổ chức cán bộ

Thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 25/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 và các Thông tư của Bộ Tài chính: số 38/2019/TT-BTC ngày 28/6/2019 hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2020 – 2022; kế hoạch tài chính 05 năm tính, thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn 2021 – 2025 và Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 hướng dẫn Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật NSNN năm 2015 và Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017 hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm, để có cơ sở tổng hợp xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 3 năm 2020 – 2022 của Bộ, Vụ Kế hoạch – Tài chính đề nghị Vụ Tổ chức cán bộ tổng hợp báo cáo về biên chế, kế hoạch tinh giản biên chế và Quỹ tiền lương, các khoản đóng góp theo lương của các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ như sau:

1. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2019 và giai đoạn 2016 – 2019:

1.1. Đánh giá tổng thể toàn bộ các chính sách, chế độ; rà soát, kiến nghị bổ sung, sửa đổi các chính sách, chế độ không phù hợp với thực tế.

1.2. Thực hiện tinh giản biên chế, đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy đối với đơn vị quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể:

Kết quả đạt được trong 6 tháng đầu năm, ước cả năm 2019 và tổng hợp lũy kế tình hình thực hiện đến hết năm 2019, chi tiết theo từng mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị Trung ương 6 Ban chấp hành Trung ương Khóa XII (Nghị quyết số 18-NQ/TW), Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Ban Chấp hành Trung ương (Nghị quyết số 39-NQ/TW), Kết luận số 17-KL/TW ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Bộ Chính trị (Kết luận số 17-KL/TW) và các văn bản liên quan của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; trong đó chi tiết:

- Số giảm biên chế, giảm đầu mối tổ chức bộ máy từng năm;
- Số kinh phí dành ra được do giảm biên chế, giảm tổ chức bộ máy từng năm;
- Số kinh phí phải bố trí từng năm từ NSNN để thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 về chính sách tinh giản biên chế (Nghị định số 108/2014/NĐ-CP), Nghị định số 113/2018/NĐ-

CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP về chính sách tinh giản biên chế (Nghị định số 113/2018/NĐ-CP) và Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2015 quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.

1.3. Thực hiện đổi mới đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ:

- Kết quả sắp xếp, đổi mới hệ thống và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị Trung ương 6 Ban chấp hành Trung ương Khóa XII (Nghị quyết số 19-NQ/TW), Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công (Nghị định số 16/2015/NĐ-CP) và các Nghị định của Chính phủ về cơ chế tự chủ trong các lĩnh vực sự nghiệp cụ thể trong 6 tháng đầu năm, ước cả năm và tổng hợp lũy kế tình hình thực hiện đến hết năm 2019 chi tiết theo từng mục tiêu, từng năm (báo cáo số lượng, tỷ lệ đơn vị được phân loại theo mức độ tự chủ từng năm; số lượng và tỷ lệ biên chế của khu vực sự nghiệp theo từng mức độ tự chủ từng năm; số lượng giảm và tỷ lệ giảm biên chế hưởng lương từ ngân sách từng năm của từng lĩnh vực).

- Đánh giá tác động của việc sắp xếp, đổi mới, nâng cao khả năng tự chủ đến NSNN theo từng lĩnh vực, từng năm (số kinh phí dành ra và việc sử dụng).

2. Xây dựng kế hoạch tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế năm 2020:

2.1. Kế hoạch sắp xếp lại tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế đơn vị quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể:

- Trên cơ sở Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết 10/NQ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và kế hoạch hành động của từng bộ, ngành, địa phương, thực hiện kiện toàn tổ chức, giảm đầu mối, giảm cấp trung gian, giảm cấp phó.

- Thực hiện tinh giản biên chế với mức giảm biên chế năm 2020 theo quyết định của cấp thẩm quyền hoặc theo Đề án tinh giản biên chế được duyệt (nếu có) hoặc căn cứ theo mục tiêu chung của Nghị quyết số 39-NQ/TW; Thông báo kết luận số 30-TB/TW ngày 23 tháng 5 năm 2017 về kết quả kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị; Kết luận số 17-KL/TW để xác định mức giảm tối thiểu/năm đối với từng nhóm cơ quan tương ứng.

- Ước tính tác động của sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế đến NSNN, gồm: (i) kinh phí dành ra đối với các cơ quan hành chính từ giảm chi NSNN do sắp xếp tổ chức bộ máy (giảm chi hoạt động bộ máy, chi cơ sở vật chất...); giảm chi NSNN do giảm biên chế (giảm chi quỹ lương, giảm chi thường xuyên,...); (ii) nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách tinh giản biên chế theo chế độ, chính sách hiện hành.

2.2. Mục tiêu, nhiệm vụ tinh giản biên chế của các tổ chức trong hệ thống chính trị theo Kết luận số 17-KL/TW; các mục tiêu về đổi mới đơn vị sự nghiệp công theo Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP; chi tiết việc triển khai từng mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể:

- Mức giảm biên chế năm 2020 được xác định theo quyết định của cấp thẩm quyền (nếu có), hoặc theo Đề án tinh giản biên chế được duyệt hoặc mức giảm tối thiểu/năm đối với từng nhóm cơ quan tương ứng theo Kết luận số 17-KL/TW.

- Việc đổi mới cơ chế quản lý và tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập (việc ban hành các văn bản quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP và Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 21 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP).

- Giảm đầu mỗi đơn vị sự nghiệp công lập; tăng số lượng đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính ở mức cao hơn; giảm số hợp đồng lao động không đúng quy định trong các đơn vị sự nghiệp công lập (trừ những đơn vị đã bảo đảm tự chủ tài chính).

- Ước tính nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách tinh giản biên chế theo chế độ, chính sách hiện hành.

- Việc chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác có đủ điều kiện thành công ty cổ phần (trừ các bệnh viện và trường học).

2.3. Biên chế của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể:

+ Số biên chế được giao năm 2020 (trường hợp chưa được giao biên chế, thì xác định bằng số được cơ quan có thẩm quyền giao năm 2019 trừ đi (-) số biên chế phải tinh giản năm 2020 theo mức giảm tối thiểu/năm đối với từng khối cơ quan, đơn vị quy định tại Kết luận số 17-KL/TW (hoặc theo Đề án tinh giản biên chế được cấp có thẩm quyền phê duyệt), trong đó làm rõ số biên chế thực có mặt đến thời điểm lập dự toán, số biên chế chưa tuyển theo chỉ tiêu được duyệt năm 2019.

+ Xác định Quỹ lương ngạch bậc, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ quy định theo mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng/tháng (tính đủ 12 tháng) do NSNN đảm bảo, bao gồm: (i) Quỹ tiền lương của số biên chế thực có mặt tính đến thời điểm lập dự toán (trong phạm vi biên chế được duyệt), được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ; phụ cấp lương và các khoản đóng góp theo chế độ; (ii) Giảm quỹ tiền lương gắn với tinh giản biên chế; (iii) Quỹ tiền lương của số biên chế được duyệt nhưng chưa tuyển, được dự kiến trên cơ sở mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng/tháng, hệ số lương 2,34/biên chế và các khoản đóng góp theo chế độ.

2.4. Xây dựng Kế hoạch, nhiệm vụ tinh giản biên chế của các đơn vị trực thuộc Bộ theo Kết luận số 17-KL/TW; việc rà soát, sắp xếp lại bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, chi tiết việc triển khai từng mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể trong năm 2019; xác định mức kinh phí dành ra gắn với việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trong năm 2020.

3. Xây dựng kế hoạch 3 năm 2020 - 2022

Kế hoạch biên chế và tinh giản biên chế 03 năm 2020 - 2022 của các đơn vị trực thuộc Bộ phải được lập trên cơ sở thực hiện 2016 - 2019; trong đó:

- Đối với Nghị quyết số 18-NQ/TW, trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra đến năm 2021, các mục tiêu tại Nghị quyết cho giai đoạn từ năm 2021-2025, các mục tiêu theo Đề án được phê duyệt - nếu có, dự kiến cụ thể việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về hoàn thiện tổ chức, bộ máy, về giảm biên chế trong từng năm 2021-2022 và các tác động kinh phí NSNN theo từng mục tiêu, nhiệm vụ (tiết kiệm chi NSNN do giảm đầu mối, giảm biên chế; tăng chi NSNN do thực hiện chính sách tinh giản biên chế).

- Đối với Nghị quyết số 19-NQ/TW, trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra đến năm 2021, các mục tiêu tại Nghị quyết đến năm 2025, các mục tiêu theo Đề án được phê duyệt - nếu có, thực hiện lập dự toán tương tự dự toán năm 2020 quy định tại khoản 3, điều 11 Thông tư này, với mức giảm biên chế hàng năm theo Đề án được phê duyệt - nếu có, hoặc hàng năm giảm bình quân 2,5%, cộng thêm số chưa thực hiện được của giai đoạn trước năm 2021 (nếu có) số biên chế sự nghiệp hưởng lương từ NSNN.

4. Tổ chức thực hiện

Kế hoạch biên chế và nhiệm vụ năm 2020 và giai đoạn 2020 – 2022 là cơ sở để tổng hợp dự toán ngân sách nhà nước của các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ.

Vì vậy, Vụ Tổ chức cán bộ có trách nhiệm căn cứ hệ thống biểu mẫu quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 hướng dẫn Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật NSNN năm 2015 (kèm theo công văn số 2396/LĐTBXH-KHTC ngày 15/6/2018 của Bộ) tổng hợp kế hoạch biên chế, nhiệm vụ và tinh giản biên chế chung của cả Bộ và gửi về Vụ Kế hoạch – Tài chính trước ngày 10/7/2019 (đồng thời gửi thư theo địa chỉ mail: phongkh@molisa.gov.vn) để tổng hợp chung trong Kế hoạch – Dự toán 2020 và 2020 – 2022 của Bộ gửi các cơ quan chức năng theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Cổng thông tin điện tử của Bộ;
- Lưu: VT, Vụ KHTC.

TL.BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ HOẠCH – TÀI CHÍNH

Phạm Quang Phụng